

Trí Huệ

Toàn Không

I)-Trí Huệ là gì?

Trí Huệ: Do chữ Phạn (Pali) “Panna” chữ Sanskrit “prajna”, là hiểu rõ sự lý cùng tột, là Bát nhã, là trực nhận tánh không, là giác ngộ. Người Tàu dịch là “Trí biết tục đế, Huệ thông chân đế”. Có thể nói Trí là thể tính sáng suốt trong sạch, Huệ là cái sáng chiếu soi, Trí Huệ rộng lớn (Ba La Mật) là thể tính sáng suốt soi sáng một cách tinh tường không thể nhầm lẫn. Trí Huệ là sự hiểu biết siêu việt đưa đến giải thoát.

II)- Tại sao cần phải có Trí Huệ?

Con người sống từ vô thủy tới nay luôn luôn si mê nên mới khởi niệm tham sân tà kiến, tạo biết bao nhiêu đau khổ cho mình, cho người và chúng sanh.. Đó là đầu mối của vô minh, do vô minh phát sinh ra từ ý nghĩ các điều sai trái, miệng nói những lời điên đảo, cho đến thân làm các việc kinh trời động đất. Vì thế bị trôi lăn sinh tử luân hồi trong sáu cõi, chịu biết bao khổ đau triền miên không dứt được. Muốn hết đau khổ, người Phật tử phải hết si mê, muốn dứt si mê phải tu để có trí tuệ. Khi có trí tuệ sẽ hết vô minh sẽ hết tham sân tà kiến, hết tham sân tà kiến sẽ không còn có ý khẩu thân điên đảo. Ý khẩu thân không điên đảo sẽ không còn tạo nghiệp, không tạo nghiệp sẽ không còn sinh tử luân hồi tức là giải thoát. Bởi thế chúng ta cần có trí tuệ là vậy.

III)- Trí tuệ khác với trí tuệ ra sao?

Trí tuệ là danh từ thường dùng trong đời sống con người, trí tuệ được hiểu như là sự thông minh sắc bén, hiểu biết tinh mẫn, thông minh linh hoạt. Trí tuệ là của bộ óc tìm tòi phát minh sáng chế theo suy luận., v.v...

Trí tuệ là cái biết cùng tột rộng lớn (Ba La Mật) như trên đã nêu, trí tuệ nằm ngoài trí tuệ và bao trùm cả trí tuệ, mà trí tuệ không thể trùm lên trí tuệ được. Chúng ta không nên hiểu lầm trí tuệ của thế gian cũng giống như trí tuệ của Phật giáo, hiểu sai lầm như thế sẽ rất tai hại. Vì trí tuệ của thế gian chỉ có thể như các nhà khoa học, bác sĩ, tiến sĩ, bác học v.v... có kiến thức hiểu biết về một lãnh vực nào đó, chứ không thể là bậc đã đạt đạo có trí tuệ thấy biết như thật cùng khắp vũ trụ vạn vật, có đủ ba minh (tam minh), bốn trí (tứ trí), sáu thông (lục thông), năm nhãn (ngũ nhãn) v.v...

Muốn đạt trí tuệ cần phải học hỏi suy nghĩ nghiên cứu thí nghiệm nghiên ngẫm lý thuyết. Muốn đạt trí tuệ cũng cần học hỏi suy nghĩ nghiên cứu thí nghiệm nghiên ngẫm giáo pháp và còn đi xa hơn nữa, đó là “tu hành”, “hành trì”, “thiền định”, v.v...

Nếu muốn dùng chữ trí tuệ, chỉ được coi như những người thông minh học nhiều nhớ giỏi (đa văn), còn đang trong thời kỳ học hỏi và áp dụng giáo lý chứ chưa phải là người đạt trí tuệ (đạt đạo). Người đạt trí tuệ là người đạt giác ngộ tức giải thoát.

Dù trong nhận thức trực tiếp hay trong suy luận người có trí tuệ sẽ luôn luôn đúng, trong khi người có trí tuệ sẽ có khi đúng có khi sai. Do đó chúng ta thấy rõ sự khác biệt giữa trí tuệ và trí tuệ.

IV)- Có mấy loại trí tuệ? Có hai loại:

1)- **Căn bản trí:** Là giác tính minh diệu mà mọi chúng sanh đều có sẵn, nhưng bị vô minh che lấp nên chưa xuất hiện. Thí dụ như chất vàng lẫn trong quặng đất sỏi đá, như mặt trời bị che phủ bởi sương mù không thể thấy được.

2)- Hậu đắc trí: Là trí huệ có được nhờ công phu tu tập, ví như vàng đã được lọc luyện từ quặng đất sỏi đá, vàng không còn lẫn lộn với bất cứ một chất gì khác. Người tu hành đến khi hết vô minh phiền não thì trí huệ hiện ra.

Tuy phân ra hai loại nhưng chỉ là một, cũng như một thứ vàng. Sau khi tu hành đạt hậu đắc trí tức trí huệ hiện, các thức của con người được chuyển biến thành các trí như sau:

1- Thành sở tác trí: Năm thức Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân do năm căn tiếp xúc ngoại cảnh trở thành trong sạch không còn một tí gì bợn nhơ của năm trần là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, nghĩa là không còn vẩn đục bởi phàm trần. Tâm hành giả như hồ nước trong lặng không gợn sóng, lúc đó năm thức biến thành “Thành sở tác trí”. Nghĩa là năm giác quan của chúng ta trở thành có năng lực thần diệu kỳ bí, chứ không còn là giác quan của kẻ phàm phu chỉ nhận biết một cách hạn hẹp mà thôi.

2- Diệu quan sát trí: Thức thứ sáu, ý thức là thức góp ý nhận biết cho năm thức nêu trên, thức này làm việc suốt ngày đêm không ngưng nghỉ. Ban ngày suy nghĩ tưởng nhớ hết việc này qua chuyện khác, lo lắng buồn khổ, hân hoan sung sướng v.v..., ban đêm khi ngủ mộng mơ đủ cả. Thức thứ sáu, ý thức nương tựa vào thức thứ bảy Mạt Na gọi là ý căn vô hình tướng. Khi tâm viên ý mã (tâm ý như khi ngựa) ấy của ý thức đã được cột lại một chỗ hết đường cựa quậy qua sự tu hành rồi, thức này chuyển thành “Diệu quan sát trí” có công năng quan sát thâm diệu cùng khắp.

3- Bình đẳng tính trí: Thức thứ bảy Mạt Na là thức tự ý thức về chính mình, ô nhiễm cho rằng mình có một cái ta, Mạt Na đấn đo, suy nghĩ liên tục, phân biệt chủ thể khách thể tạo nên ý thức nhị nguyên chấp ngã (ta) nhân (người) chúng sanh. Năm giác quan cùng ý thức báo cho Mạt Na thông tin từ bên ngoài không hề đánh giá tốt xấu. Chính Mạt Na là kẻ đánh giá phải trái hay dở, và ra lệnh cho sáu thức kia phản ứng hành động, đồng thời Mạt Na lại đưa tất cả các cảm giác (chủng tử) vào A Lại Đa là thức thứ tám, Mạt Na nương tựa vào A Lại Đa và chấp A Lại Đa là ta. Khi tu hành phá vỡ tan tành chấp tướng ngã nhân chúng sanh thọ giả của Mạt Na thì nó chuyển thành “Bình đẳng tánh trí”, nghĩa là trí huệ này có năng lực nhận thức chân thật về tính bình đẳng vô ngã trong muôn pháp.

4- Đại Viên cảnh trí: Khi cảm giác của tất cả các hoạt động của năm căn và ý được Mạt Na đưa vào A Lại Đa, thức này có nhiệm vụ giữ gìn tất cả các tin tức ấy, gọi là chấp trì sinh mạng chủng tử. Khi tu hành đạt đến địa vị vô lậu, thức này chuyển thành “Đại Viên cảnh trí”, tức là thành cái trí huệ sáng suốt trong sạch như chiếc gương không lò tròn đầy trong sạch soi chiếu cùng khắp, tương ứng cho chân tâm chân như Phật tánh.

V)- Công năng của Trí Huệ

1)- Làm thế nào để có trí huệ?

Muốn có trí huệ, đức Phật đã dạy tám vạn bốn nghìn pháp môn tu, người Phật tử có thể chọn bất cứ pháp môn nào thích hợp với mình để tu hành, đều có thể đạt được trí huệ tức là giải thoát. Tuy nhiên, căn cứ duy thức học, sau khi tu theo duy thức, khi hành giả đạt trí huệ thì có bốn trí nêu trên. Ngoài ra, trước khi tu chúng ta cần tìm hiểu nghiên cứu cho tường tận, không còn một điều gì nghi ngờ khó hiểu. Rồi còn phải suy gẫm xem pháp môn tu có thích hợp với mình không, có những trở ngại gì cần phải vượt qua, nghĩa là hành giả phải hiểu biết pháp môn mình sẽ tu. Sau khi đã hiểu rõ pháp môn tu, hành giả mới bắt đầu tu tức là thực hành. Khi đã thực hành rồi, phải tinh tấn chuyên cần không ngưng nghỉ không gián đoạn, kiên cố thực hành sẽ có ngày đạt được trí huệ, tức là giải thoát.

2)- Công năng của trí huệ ra sao?

Như trên đã nói, tám thức chuyển thành bốn trí, bốn trí có công năng diệu dụng vô cùng rộng lớn (Ba La Mật), khó mà diễn tả hết được, nhưng có thể nêu ba công năng như sau:

- Khi trí huệ phát sinh thì phiền não hết, như ánh sáng phát ra thì bóng tối không còn nữa.
- Khi trí huệ khai mở chiếu soi sự vật, sẽ thấy rõ thực thể bản chất, thực tướng của vạn vật đều được phơi bày rõ ràng.
- Khi trí huệ bừng sáng thấy rõ tâm cảnh đều là chân không, nên thể nhập được chân lý, tức là giác ngộ triệt để vậy.

VI)- Trường hợp thể hiện trí huệ:

1)- Tôn giả Đại Ca Chiên Diên:

Trong bộ Tăng Nhất, quyển 1, trang 312 viết: Một thời, Tôn giả Đại Ca Chiên Diên, đại đệ tử của đức Phật, dẫn một số đồng đạo Tỳ Kheo đi du hóa đến nước Bà Na. Khi Tôn giả đang ở bên một bờ hồ, có Trưởng lão Bà la môn tên Thượng Sắc dẫn một số đồng đạo đệ tử đến gặp, Sau khi chào hỏi xong, vị Trưởng lão nói:

- Như Ca Chiên Diên đây nói là người tu hành, nhưng không hành đúng pháp luật của người tu, vì sao? Vì Tỳ Kheo trẻ tuổi mà không làm lễ các bậc trưởng thượng cao đức Bà la môn của chúng tôi.

Tôn giả Ca Chiên Diên trả lời:

- Bà la môn nên biết, đức Phật thuyết hai địa vị, một là địa vị già cả, hai là địa vị trai tráng.

Bà la môn hỏi:

- Thế nào là địa vị già cả, thế nào là địa vị trai tráng?

Tôn giả đáp:

- Cho dù người tuổi bảy mươi, tám mươi, hay chín mươi mà không dùng được dâm dục, làm các việc ác. Người này tuy có thể bảo là già, mà thực ra họ ở địa vị trai tráng.

Còn người tuổi độ hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi. Người ấy chẳng tập quen dâm dục, cũng chẳng làm các hạnh ác. Đó là người trai tráng mà ở địa vị già cả.

Bà la môn lại hỏi:

- Trong đại chúng của Ông có một Tỳ Kheo nào không hành dâm dục, chẳng tạo hạnh ác chẳng?

Tôn giả trả lời:

- Trong đại chúng của chúng tôi đây không có một Tỳ Kheo nào tập dục, không có một Tỳ Kheo nào làm hạnh ác cả. Tất cả Tỳ Kheo đây, người nhỏ nhất cũng đã thấy dấu đạo, vì sao? Vì Tỳ kheo nhỏ nhất cũng đã đạt quả vị Tu đà hoàn, một quả vị trong bốn quả vị của bậc phạm hạnh là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, và A la hán. A la hán là bậc đã sạch hết các nơu bần, có trí huệ đầy đủ, ra khỏi sinh tử luân hồi.

Bà la môn nghe nói như vậy, liền đứng dậy vái và nói:

- Các Ông tuổi trai tráng mà ở địa vị già cả, thật quý hóa thay, còn tôi già cả mà còn ở địa vị niên thiếu. Rồi Bà la môn nói tiếp:

- Xin cho con được quy y Ngài.

Tôn giả bảo:

- Ông chớ quy y tôi, Ông nên quy y nơi bậc mà tôi đã quy y. Ngài là bậc Chính Đẳng Chính Giác, là bậc Đại Trí Huệ, là Thầy của Trời và Người, là Như Lai, Phật. Ngài đã nhập Niết Bàn mất rồi!

Trong khi nói, Tôn giả quỳ hướng về nước Câu Thi nơi đức Phật nhập diệt mà vái lạy. Bà la môn thấy Tôn giả lạy, nói như thế thì thưa:

- Nếu Như Lai còn ở đời, con không quản ngại đường xa đến kính lễ, nay Như Lai đã Nhập Niết Bàn, con xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ Kheo. Cúi xin Ngài chấp nhận cho, con sẽ học hỏi và tuân theo các lời dạy.

2)- Tôn Giả A Nan:

Cũng trong bộ Tăng Nhất, quyển 3, trang 560 viết: Sau khi Trưởng giả Cấp Cô Độc lâm chung, được sinh lên cõi Trời. Một đêm gần về sáng, Trời Cấp Cô Độc trở về thăm đức Phật. Sau khi thăm hỏi, thưa hỏi, kính lễ Phật, Trời Cấp Cô Độc dùng hoa trời rải trên Phật rồi biến mất.

Sáng hôm sau, đức Phật bảo Tôn giả A Nan:

- Đêm qua, có Thiên tử đến chỗ Ta thăm hỏi, nói kệ:

Đây là vườn Kỳ Hoàn,
Chúng tiên nhân vui chơi,
Chỗ Pháp vương ngự trị,
Nên phát tâm vui mừng.

Thiên tử ấy đi nhiều quanh Ta bảy vòng rồi biến mất. A Nan, Thầy biết Thiên tử ấy chẳng?

Tôn giả thưa:

- Chắc là Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức Phật bảo:

- Đúng như lời Thầy nói. Hay thay! Thầy có thể dùng trí vi tri (huệ) mà biết được Thiên tử ấy. Đó đúng là Thiên tử Cấp Cô Độc.

Tôn giả A Nan hỏi đức Phật:

- Thưa Thế Tôn, Trưởng giả Cấp Cô Độc nay có tên là gì?

Đức Phật bảo:

- Cũng có tên là Cấp Cô Độc. Ngay khi hôm Thiên tử ấy sinh ra, chư Thiên ai cũng nói: “Thiên nhi này khi ở cõi Người là đệ tử của Như Lai, thường đem tâm bình đẳng bố thí tất cả, cứu giúp kẻ nghèo cùng thiếu thốn cô độc, nay sinh lên cõi Trời Đạo lợi này, chúng ta cũng nên theo đó tặng cho cùng cái tên Cấp Cô Độc”

Rồi đức Phật bảo các Tỳ Kheo:

- Tỳ Kheo A Nan có công đức lớn, thành tựu trí tuệ rộng lớn. Tỳ Kheo A Nan hiện ở địa vị hữu học mà trí huệ không ai bằng. Vì sao thế? Vì điều mà A la hán biết, Tỳ Kheo A Nan cũng biết. Những điều nên học từ chư Phật quá khứ, A Nan đều biết rõ. Tỳ Kheo A Nan nhìn qua liền biết Như Lai cần điều này, không cần điều kia. Thị giả của chư Phật quá khứ nhập định mới biết được việc chưa biết, nhưng Tỳ Kheo A Nan của Ta, vừa quán sát liền biết rõ.

Bởi vậy trong hàng thanh văn của Ta, người học rộng biết nhiều, có sức dũng mãnh, tinh tấn không lười nghỉ, ý niệm không tán loạn, đa văn đệ nhất, kham nhậm kiên nhẫn là Tỳ Kheo A Nan.

Toàn Không (4/2009)